

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 2698/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 21 tháng 07 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (cát xây), diện tích 2,0 ha tại sông Hà Thanh, xã Canh Hiền và xã Canh Hiệp, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Quy Nhơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 630/STNMT-CCBVMT ngày 13/3/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Hà Thanh, xã Canh Hiền và xã Canh Hiệp, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Quy Nhơn;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (cát xây), diện tích 2,0 ha tại sông Hà Thanh, xã Canh Hiền và xã Canh Hiệp, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản 29/CV-QN ngày 12/7/2023 của Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 861/TTr-STNMT ngày 18/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (cát xây), diện tích 2,0 ha (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Quy Nhơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại sông Hà Thanh, xã Canh Hiền và

xã Canh Hiệp, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Phụ lục đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- Chủ dự án;
- UBND huyện Vân Canh;
- UBND xã Canh Hiệp;
- UBND xã Canh Hiệp;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10.

[Handwritten signature]

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHAI THÁC CÁT LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG
(CÁT XÂY), DIỆN TÍCH 2,0 HA TẠI SÔNG HÀ THANH, XÃ CANH
HIỂN VÀ XÃ CANH HIỆP, HUYỆN VÂN CANH, TỈNH BÌNH ĐỊNH
CỦA CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG QUY NHƠN**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (cát xây).
- Địa điểm thực hiện: tại sông Hà Thanh, xã Canh Hiền và xã Canh Hiệp, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Quy Nhơn.
- Địa chỉ liên hệ: thôn Hóa Lạc, xã Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.
- Điện thoại: 0981 389 579 (Ông Nguyễn Thành Điệp, Giám đốc).

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Diện tích dự án: 2,0 ha.
- Tuổi thọ mỏ: 02 năm; khai thác từ ngày 01/01 đến hết ngày 15/9 hàng năm (theo Thông báo số 176/TB-UBND ngày 07/8/2019 và Văn bản số 5958/UBND-KT ngày 04/9/2020 của UBND tỉnh).
- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h00 và từ 13h00 đến 17h00).
- Trữ lượng, công suất được phép khai thác: Trữ lượng được phép khai thác theo Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 12/7/2023 của UBND tỉnh là 30.912 m³ cát địa chất. Theo đó, trữ lượng huy động vào khai thác là 29.505 m³ cát địa chất, mức sâu khai thác không quá 2,0 m và cao trình kết thúc khai thác không thấp hơn +28,5m. Công suất, thời gian khai thác như sau:

+ Năm thứ nhất (đến 15/9/2023): 18.120 m³ cát địa chất (tương ứng 20.657 m³ cát nguyên khai).

+ Năm thứ 2 (01/01/2024 đến 15/9/2024): 11.385 m³ cát địa chất (tương ứng 12.979 m³ cát nguyên khai).

1.3. Phương pháp khai thác: Chia khu vực mỏ thành 02 khoảnh, cụ thể: Khoảnh 1 (diện tích 1,21 ha, cách Đập dâng số 3 khoảng 180 m) khai thác vào năm thứ nhất (đến 15/9/2023) và khoảnh 2 (diện tích 0,79 ha) thực hiện khai thác vào năm thứ 2 (01/01/2024 đến 15/9/2024). Mở vỉa khai thác tại khoảnh 1 tại phía Tây Nam Dự án (tại điểm góc số 4 và số 5), khai thác theo lớp bằng, cao trình kết thúc khai thác không thấp hơn +28,5m. Tuyển khai thác được phát triển

theo tuyến song song với hướng dòng chảy của sông, khai thác theo dải, từ lòng sông vào bờ, từ thượng lưu về hạ lưu. Sử dụng 01 máy đào (dung tích gầu 0,9 m³) để khai thác, tập kết cát tại bãi lưu chứa tạm trước khi đưa lên ô tô vận chuyển tải trọng 8,25 tấn đến nơi tiêu thụ.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

- Khu vực phụ trợ có diện tích khoảng 400 m² (nằm ngoài ranh giới mỏ): bố trí lán trại tạm, nhà vệ sinh di động, lắp đặt trạm cân, camera, bảng thông báo và bãi tập kết xe.

- Bãi lưu chứa cát tạm (nằm trong khu vực mỏ) diện tích khoảng 500 m² để thực hiện lưu chứa cát rút nước, đảm bảo cát khô trước khi vận chuyển tiêu thụ. Thời gian lưu chứa tối đa 2 ngày và thu dọn, tháo dỡ trước 30/9 hàng năm.

- Tuyến đường vận tải ngoài mỏ:

- + Nâng cấp cải tạo tuyến đường đất hiện trạng nối từ Quốc lộ 19C đến bờ sông: có kích thước dài 220 m x rộng 4 m (được giữ lại sau khi kết thúc khai thác để phục vụ cho nhu cầu đi lại của người dân và bàn giao lại cho địa phương quản lý và sử dụng sau khi kết thúc khai thác).

- + Tuyến đường đất nối từ bờ sông đến ranh giới phía Bắc mỏ (đi qua dòng chảy của sông): có kích thước (dài 20 m x rộng 5 m x cao 2 m) kết cấu là các rọ đá (kích thước dài 0,8 m x rộng 1 m x cao 2 m) kết hợp đá dăm, phía dưới lớp rọ đá sẽ lắp 06 làn công bê tông cốt thép (kích thước D1.000 x dài 2,5 m), mỗi làn lắp 2 công để đảm bảo cho việc lưu thông dòng chảy và thoát lũ tiểu mãn.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không có.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Tuyến đường nội bộ và bãi tập kết cát có khả năng gây cản trở dòng chảy trong mùa mưa.

- Hoạt động khai thác cát tại dự án gây nguy cơ sạt lở bờ, ảnh hưởng đến diện tích hoa màu của người dân.

- Hoạt động vận chuyển cát đi tiêu thụ có nguy cơ gây rơi vãi, bụi và hư hỏng đến tuyến đường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

- Nước thải: Nước thải sinh hoạt khoảng 0,56 m³/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

- Khí thải, bụi: phát sinh từ quá trình khai thác, lưu chứa tạm và vận chuyển cát.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn: Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 4,2 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Chất thải nguy hại phát sinh tại khu mỏ:

+ Chất thải nguy hại: bóng đèn huỳnh quang thải (Mã chất thải: 16 01 06) khoảng 01 kg/năm.

+ Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 10 kg/năm.

3.3. Tiếng ồn, độ rung: tiếng ồn phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển cát đến nơi tiêu thụ.

3.4. Các tác động khác: không.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

Đối với nước thải sinh hoạt: Bố trí nhà vệ sinh di động tại khu vực phụ trợ để thu gom, xử lý. Khi bể đầy, thuê đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Đối với các phương tiện vận chuyển cát: vận chuyển cát khô, đúng tải trọng; phủ bạt kín trong quá trình vận chuyển không để rơi vãi ra đường.

- Trên tuyến đường vận chuyển cát tại những đoạn đi qua khu dân cư: thực hiện phun nước với tần suất 02 lần/ngày và tăng cường vào mùa nắng.

- Khu vực bãi tập kết cát: thực hiện che chắn đảm bảo giảm thiểu bụi, cát bay.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực lán trại để thu gom và xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa tại khu vực lán trại, hợp đồng xử lý theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường hàng năm với các nội dung sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
I Khu vực mỏ					
1.	Cấm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ	cái	04	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc dự án
2.	San gạt mặt bằng mỏ	m ³	1.475	Đảm bảo địa hình kết thúc sau khai thác thoải trong bờ ra lòng sông, không tạo hố sâu cục bộ so với mặt bằng xung quanh	Hoàn thành trước ngày 30/9 hàng năm
3.	Tháo dỡ tuyến đường tạm trong mỏ	m ³	700	Khơi thông dòng chảy	
4.	Đo vẽ địa hình khu vực mỏ	ha	2,0	Giám sát chiều sâu khai thác; đánh giá sạt lở bờ sông	Sau khi kết thúc khai thác hàng năm
II Khu vực ngoài mỏ					
1.	Vệ sinh tuyến đường vận chuyển (đoạn qua khu dân cư)	m ³	100	Giảm thiểu bụi, cát bay	Thường xuyên
2.	Tháo dỡ đường giao thông có cống ngầm và cống ngầm	Cấu kiện	24	Khơi thông dòng chảy	Hoàn thành trước ngày 30/9 hàng năm
3.	Tháo dỡ lán trại tạm, nhà vệ sinh di động	m ²	15	Trả lại hiện trạng ban đầu	Sau khi kết thúc khai thác
4.	Nâng cấp cải tạo tuyến đường đất hiện trạng	m ³	264	Phục vụ vận chuyển cát đi tiêu thụ	Trước khi tiến hành khai thác

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **127.075.000 đồng**
(Một trăm hai mươi bảy triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 02 lần; thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: 31.769.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mở.

+ Lần 2, số tiền: 95.306.000 đồng; thời điểm ký quỹ: thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2023.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, số 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: không thực hiện.

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Sau khi kết thúc khai thác hàng năm Công ty thực hiện tháo dỡ đường nội bộ đảm bảo thông thoáng dòng chảy.

- Thực hiện khai thác đúng quy trình, độ sâu cho phép; tạo góc nghiêng bờ mở tại những vị trí có cao độ kết thúc chênh lệch lớn so với mặt bằng bên ngoài nhằm giảm thiểu sạt lở.

- Trong quá trình khai thác, nếu có xảy ra hiện tượng sạt lở hai bên bờ, ảnh hưởng đến diện tích hoa màu của người dân. Công ty sẽ phối hợp với chính quyền địa phương để có biện pháp khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).

- Đoạn đường đất được giữ lại sau khi kết thúc khai thác để phục vụ cho nhu cầu đi lại của người dân (theo ý kiến của UBND xã Canh Hiệp tại Văn bản số 26/UBND ngày 22/02/2023). Sau khi kết thúc khai thác công ty bàn giao lại cho địa phương quản lý và sử dụng.

4.4.4. Các công trình, biện pháp khác: không.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

5.1. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và lưu giữ.

5.2. Giám sát dòng chảy:

- Thực hiện giám sát việc khai thác đảm bảo lưu thông dòng chảy.

- Vị trí giám sát: giám sát tại khu vực dự án.

5.3. Các giám sát khác:

- Giám sát sạt lở hai bên bờ, an toàn giao thông trong quá trình khai thác, vận chuyển cát.

- Tần suất quan trắc: thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian khai thác.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: không.